

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 09/2012/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý và phân cấp
quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 160/TTr-SXD ngày 19 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn; tổ chức thực hiện Quyết định này và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý và phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi tham gia các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ, khái niệm bao gồm: Không gian ngầm đô thị; quản lý không gian ngầm đô thị; quy hoạch không gian ngầm đô thị; công trình ngầm đô thị; công trình công cộng ngầm; công trình giao thông ngầm; công trình đầu mối kỹ thuật ngầm; công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm; phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất; tuy nèn kỹ thuật; hào kỹ thuật; cống, bể kỹ thuật được định nghĩa cụ thể tại Điều 2 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ Về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động có liên quan đến việc quản lý, cung cấp, sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Luật Xây dựng; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP; Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị và Quy định này.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị, đầu tư xây dựng trong phạm vi toàn tỉnh trên cơ sở phân công cho các sở ngành liên quan và phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thực hiện quản lý, bao gồm: Quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị; đầu tư xây dựng công trình ngầm đô thị và quản lý khai thác sử dụng.
3. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã có trách nhiệm triển khai quản lý cơ sở dữ

liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị, đầu tư xây dựng công trình ngầm đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý và theo phân cấp công trình.

4. Chủ đầu tư các dự án xây dựng tại đô thị và khu dân cư phải tuân thủ theo quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị.

5. Khi xây dựng công trình ngầm đô thị phải tuân thủ các quy định về quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị; quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng ngầm; giấy phép xây dựng ngầm; chỉ giới xây dựng và an toàn xây dựng.

Chương II

QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ

Điều 4. Kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi tại các đường phố hiện có.

1. Căn cứ tình hình thực tế hiện trạng đường dây, đường cáp đi nổi trên các tuyến phố hiện có, yêu cầu về mỹ quan, kiến trúc đô thị và các quy định về đảm bảo an toàn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã chủ trì, phối hợp đơn vị quản lý vận hành công trình ngầm đô thị và chủ sở hữu đường dây (hoặc đại diện chủ sở hữu), đường cáp đi nổi lập kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi hàng năm.

2. Sở Xây dựng chủ trì, thẩm định về chuyên môn kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi hàng năm do Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã đề nghị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Kế hoạch hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi hàng năm được duyệt làm cơ sở để Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã kêu gọi các tổ chức cá nhân tham gia đầu tư theo khoản 3 Điều 23 Nghị định 39/2010/NĐ-CP hoặc trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương.

Điều 5. Đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm tại các khu đô thị mới, khu dân cư mới theo dự án.

1. Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư mới theo dự án và các tuyến đường mới xây dựng hoặc cải tạo, mở rộng, chủ đầu tư phải đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống công trình công, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để bố trí, lắp đặt các đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật theo quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các đường phố đã xây dựng các công trình công, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật thì không được bố trí các đường dây nổi trên mặt đất.

Điều 6. Chủ sở hữu hệ thống công, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật.

1. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã là chủ sở hữu hệ thống công, bể kỹ thuật hoặc

hào, tuy nen kỹ thuật bao gồm:

a) Hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hoặc hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật.

2. Tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng ngầm theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 4 Nghị định 39/2010/NĐCP.

3. Chủ sở hữu các công trình đường ống cấp nước, cấp năng lượng, thoát nước; công trình đường dây cáp điện, thông tin liên lạc ... là sở hữu chung hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật khi tham gia liên kết đầu tư để sử dụng chung.

Điều 7. Quản lý khai thác hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật.

1. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã quyết định lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành và hình thức quản lý (đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch) hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật theo đề nghị của cơ quan quản lý xây dựng trực thuộc, đối với hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật được quy định tại khoản 1 Điều 6 quy định này.

2. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật đối với những tuyến đường đã được đầu tư, đưa vào khai thác có trách nhiệm xây dựng quy chế phối hợp với chủ sở hữu các công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật khi sử dụng chung trong hệ thống cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nen kỹ thuật do mình quản lý.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ

Điều 8. Cung cấp dữ liệu và lưu trữ công trình xây dựng ngầm đô thị và dấu mốc công trình.

1. Xây dựng, quản lý, cung cấp dữ liệu và lưu trữ công trình xây dựng ngầm đô thị:

a) Sở Xây dựng thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý thông tin chung về dữ liệu công trình xây dựng ngầm đô thị trên địa bàn toàn tỉnh, cung cấp dữ liệu và lưu trữ công trình ngầm đô thị thuộc cấp tỉnh quản lý trừ các công trình thuộc phạm vi của ngành giao thông theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu, quản

lý thông tin chung về dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc địa bàn mình quản lý.

c) Các tổ chức, cá nhân đang quản lý công trình ngầm đô thị có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho cơ quan quản lý tại địa phương để tổng hợp, theo dõi, quản lý.

2. Dấu mốc công trình: Đối với các công trình ngầm theo tuyến có kích thước nhỏ (hào kỹ thuật) để lắp đặt các đường dây, cáp và các đường ống kỹ thuật phải có chi tiết kỹ thuật đánh dấu mốc (sứ hoặc bê tông) nổi dọc theo tuyến công trình.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Xây dựng:

1. Thực hiện trách nhiệm của Sở theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2010/TT-BXD).

2. Thông báo với chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm trong phạm vi quản lý của ngành đã được phân cấp theo Quy định này về thời hạn phải cung cấp hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD.

3. Cung cấp thông tin về quy hoạch được duyệt cho các chủ đầu tư có nhu cầu đầu tư công trình ngầm đô thị.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thỏa thuận về quy hoạch công trình ngầm để các nhà đầu tư triển khai lập dự án đầu tư nếu công trình ngầm đó chưa được xác định trong quy hoạch đô thị được phê duyệt.

5. Cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị đối với các dự án thuộc đối tượng phải xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp, ủy quyền cấp giấy phép xây dựng.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thu thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm thuộc phạm vi các tuyến Quốc lộ, đường Tỉnh qua đô thị trên địa bàn tỉnh để quản lý và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã:

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD.

2. Tiến hành rà soát các công trình ngầm đô thị hiện có trên địa bàn quản lý đã hoàn thành trước ngày Thông tư số 11/2010/TT-BXD có hiệu lực, để hướng dẫn các chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) lập cơ sở dữ liệu, cung cấp hồ sơ dữ liệu công trình ngầm đô thị theo quy định; thông báo với chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) về thời hạn phải cung cấp hồ sơ lưu trữ cơ sở dữ liệu công trình ngầm theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD.

3. Quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị trong địa giới hành chính do mình quản lý.

4. Định kỳ báo cáo tình hình lập và quản lý về cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị thuộc địa bàn quản lý gửi Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) công trình ngầm đô thị:

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 11/2010/TT-BXD.

2. Trường hợp Chủ sở hữu công trình ngầm không cung cấp dữ liệu cho cơ quan quản lý theo phân cấp, nếu trong quá trình quy hoạch, xây dựng đô thị gây ảnh hưởng công trình ngầm thì chủ sở hữu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hậu quả, thiệt hại do việc không cung cấp dữ liệu gây ra.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã và các Sở, Ban ngành của tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này và các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan về công trình ngầm đô thị;

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Xây dựng để hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Ngọc Cư